

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đặng .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Bình, bà Phạm Thị Thỏa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 18/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 16/12/2021 đối với bị cáo:

Nùng Xuân Tính, tên gọi khác Nùng Văn T, sinh năm 1997, tại xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nùng Văn Q, sinh năm 1967 và bà Thèn Thị L (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt ngày 23/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cao Xuân Hùng – Luật sư, công tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nùng Văn B, sinh năm 2002; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Anh Nùng Văn T1, ông Nùng Văn Q, ông Nguyễn Văn T, bà Lầy Thị L, bà Hà Thị V, vắng mặt; bà Lò Thị L, có mặt

+ Người phiên dịch tiếng dân tộc Nùng: Ông Nùng Văn T; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Người phiên dịch tiếng dân tộc Giáy: Ông Lâm Văn N; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do bức tức trong việc Nùng Văn B tự ý lấy xe máy của T đi và xảy ra va chạm xe máy với người khác làm xe máy của T bị hư hỏng nên khi gặp B để yêu cầu sửa xe cho mình nhưng B không đồng ý dẫn đến hai người cãi nhau, B dùng tay phải bóp cổ T và thách thức nên T dùng hai tay cầm tay phải B kéo và đẩy B xuống ruộng bên dưới đường. Sau đó, B đi lên và tiếp tục cãi nhau với T thì Nùng Văn Q sinh năm 1967 (*là bố đẻ của T*) có đến nói với B là “*Xe để ở nhà mày tự lấy đi có hỏi ai đâu*” nên B lại cãi nhau với ông Q rồi B dùng hai tay đẩy vào ngực ông Q làm ông Q bị ngã ngửa xuống đất. Thấy vậy, nên Nùng Văn T1, sinh năm 2002 (*là anh trai sinh đôi của B*) đến can ngăn và bảo B về nhà, Tiến kéo B đi được một đoạn thì B không chịu về nên Tiến vấp B ngã xuống đường rồi ngồi lên trên người B và dùng hai tay bóp cổ B, làm cho cổ B bị xước da ở vùng cổ, B đẩy T1 ra và cả hai cùng đứng dậy, T1 tiếp tục bảo B đi về nhưng B không nghe nên T1 dùng tay đẩy vào ngực của B làm B bị ngã xuống dưới ruộng cạnh đường. Lúc này Lò Thị L, là mẹ của T1 và B đi đến rồi dùng tay tát vào mặt và dùng phần sống dao đập vào lưng của T, lúc này T1 lao vào vấp T ngã xuống đường rồi T1 và T bóp cổ nhau, bà L đi đến và dùng tay trái bóp cổ T rồi dùng tay phải cầm dao đập phần sống dao vào chân phải của T 02 - 03 phút. Thấy vậy, ông Q cầm một đoạn cây khô đến và đập vào lưng của T1 làm cho đoạn cây bị gãy đôi. Sau đó, T đẩy được T1 ra và đứng dậy nói “*Chúng mày ở đây đợi tao 5 phút*”, T chạy về nhà và lấy 01 con dao tông và 01 con dao nhọn đuổi bà L chạy theo bờ ruộng được một đoạn thì T không đuổi nữa và quay lại thì gặp B đang đứng ở ruộng. T tiếp tục bảo B sửa xe cho T nhưng B không đồng ý và còn dùng tay phải cầm cổ áo T. Do bức tức nên T dùng tay phải cầm dao nhọn chém một phát vào bên tay trái của B, lúc này mặc áo phong cộc tay và tay trái của B đang gấp vuông góc trong tư thế ngang trước ngực, nên khi T dùng dao chém 01 phát vào tay trái của B gây thương tích ở mặt trước 1/3 trên cánh tay trái và mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái, B thấy mình bị thương nên dùng tay phải bịt vào phần cánh tay bị chém rồi quay người sang bên phải nên bị dao của T chọc xượt qua gây thương tích ở mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái. Sau đó, được mọi người can ngăn, T bỏ về nhà, còn B dùng tay bịt vết thương và đi về nhà, sau đó B được mẹ là bà Luyến đưa đi Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh chữa trị. Ngày 03/08/2021 bà Lò Thị L làm đơn trình báo sự việc. Đến ngày 09/8/2021 Nùng Văn B có đơn đề nghị xử hình sự đối với Nùng Xuân T về hành vi cố ý gây thương tích theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định số 90/TgT ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định

- Sẹo 01, sẹo 02: Vùng cổ bên phải, kích thước nhỏ: 04%.
- Sẹo 03: Mặt trước 1/3 trên cánh tay trái, kích thước trung bình: 02%
- Sẹo 04: Mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái, kích thước nhỏ: 01%.

- Sẹo 05: Mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước trung bình: 02%.

2. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 09% (Chín phần trăm).

3. Cơ chế hình thành thương tích

- Tổn thương sẹo 01, sẹo 02: Do vật có cạnh tác động một lực mạnh hoặc có vật cản, hướng chệch chéo với trục cơ thể, gây nên xây xát da để lại sẹo.

- Tổn thương sẹo 03, 04, 05: Do vật có cạnh sắc tác động một lực vừa hoặc có vật cản gây nên rách da để lại sẹo, không tổn thương xương”

Tại cơ quan điều tra bị cáo Nùng Xuân T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bởi lời khai của người bị hại Nùng Văn B, lời khai của những người làm chứng Lò Thị L, Nùng Văn T1, Nùng Văn Q, Nùng A T, Hoàng Thị N, Hạ Thị V, Lầy Thị L, Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự quá trình điều tra bị cáo Nùng Văn T chưa thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-YM ngày 17/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh đã truy tố bị cáo Nùng Xuân T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nùng Xuân T từ 06 đến 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) con dao chặt (dao tông) dài 36cm, bản dao rộng 10cm, chuôi dao bằng kim loại, dao có màu đen, nhiều chỗ bị rỉ sét; 01 (một) con dao nhọn dài 42cm, bản dao rộng 06 cm, chuôi dao bằng kim loại, dao có màu đen; 01 (một) con dao (loại dao quắm) bằng kim loại dài 50cm, bản dao rộng 06cm, màu đen, chuôi dao bằng gỗ dài 28 cm; 01 (một) đoạn gỗ dài 84cm, đường kính 04cm, tình trạng gỗ đã khô, bị gãy một đầu; 01 (một) đoạn gỗ dài 88cm, đường kính 05cm, tình trạng gỗ đã khô, bị gãy một đầu; 01 (một) áo phông ngắn tay màu xám chấm đen mặt trước áo có sọc kẻ ngang đen trắng, áo dài 62cm, kích thước vai áo rộng 45cm, ống tay áo bên trái có vết rách dài 05 cm và có bầm dính chất màu nâu đỏ kích thước (24 x 15) cm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe của người bị thiệt hại và bồi thường tổn thất về mặt tinh thần với tổng số tiền 10.467.000^d theo quy định của pháp luật.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” do vậy việc điều tra, truy tố, xét xử bị cáo là đúng người đúng tội đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi gây thương tích của bị cáo gây thiệt hại không lớn, mặt khác bị hại cũng có lỗi dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo; Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để áp dụng mức bồi thường phù hợp với điều kiện hoàn cảnh kinh tế của bị cáo, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị hại về khoản tiền thu nhập bị mất của người chăm sóc cho bị hại, vì bị hại bị thương tích nhẹ 5% nên không cần người chăm sóc; về án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo vì bị cáo là thành viên hộ gia đình nghèo, đã có giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền và có đơn xin miễn án phí đã gửi cho Hội đồng xét xử.

Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử nghiêm hành vi của bị cáo, về trách nhiệm dân sự đề nghị bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 34.390.000đ theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên có quan điểm bị cáo và người bào chữa đều nhất trí với tội danh, điều khoản truy tố điều đó khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo ra trước Tòa án là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật; đối với quan điểm của người bào chữa về việc áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo “Phạm tội gây thiệt hại không lớn” là không có căn cứ vì hành vi dùng dao (là hung khí nguy hiểm) chém gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 05% đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Gây thiệt hại không lớn không chỉ dựa vào tỷ lệ thương tích để đánh giá, hành vi sử dụng dao gây thương tích của bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương do đó không thể xác định và áp dụng tình tiết phạm tội nhưng không gây thiệt hại không lớn đối với bị cáo; đối với đề nghị của người bào chữa về đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mặt khác quá trình bị cáo được tại ngoại đã vi phạm nghĩa vụ bỏ đi khỏi nơi cư trú do vậy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ sức răn đe và công tác phòng ngừa tội phạm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều hợp pháp; về tính hợp pháp của các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều được đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Nùng Văn T1, Nùng Văn Q, Nguyễn Văn T, Lầy Thị L, Hà Thị V không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 tiếp tục xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3] Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nùng Văn T đã khai nhận do bức tức việc Nùng Văn B tự ý lấy xe máy của bị cáo đi chơi và va chạm với xe của người khác làm xe của bị cáo bị hỏng, bị cáo yêu cầu bị hại B sửa xe nhưng B không đồng ý nên giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, với mục đích chỉ gây thương tích không nhằm tước đoạt đi tính mạng của bị hại, nên bị cáo dùng dao gây thương tích ở tay trái gây tổn hại cho sức khỏe của của bị hại với tỷ lệ thương tật là 05%.

[4] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng trong vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án... Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn với nhau từ việc bị hại Nùng Văn T tự ý lấy xe của bị cáo đi và gây hư hỏng không chịu đem sửa chữa, quá trình cãi nhau bị cáo T không kiềm chế được bản thân nên đã dùng 01 con dao nhọn màu đen, dài 42cm, bản dao rộng 06 cm, chuôi dao bằng kim loại (là hung khí nguy hiểm) chém 01 phát trúng vào mặt trước 1/3 trên cánh tay trái và mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái của B, lúc này B dùng tay phải bịt vào phần cánh tay rồi quay người sang bên phải nên bị dao của T chọc xượt qua gây thương tích ở mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái của B, mặc dù việc gây thương tích không nhằm vào vị trí hiểm yếu, không nhằm tước đi tính mạng tuy nhiên đã gây tổn hại cho sức khỏe của B là 05%.

[5] Hành vi nêu trên của bị cáo Nùng Xuân T đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội; đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết xã hội nhất định có thể nhận thức được việc dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc có thể tước đi tính mạng của người khác và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra làm mất trật tự trị an, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Quá trình bị cáo được tại ngoại và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tuy nhiên bị cáo không thực hiện cam kết, tự ý đi khỏi nơi cư trú không báo với chính quyền địa phương và Tòa án nhân dân huyện Yên Minh. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[7] *Về tình tiết định khung tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[9] Do vậy, quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ để chấp nhận.

[10] Quan điểm đề nghị của người bào chữa về áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo là không tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra, việc đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không có căn cứ do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Đối với hành vi của bà Lò Thị L dùng tay bóp cổ, tát vào mặt Nùng Xuân T và sử dụng phần sống dao đập vào lưng và chân của bị cáo Nùng Xuân T. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích, nhưng bị cáo T từ chối không giám định thương tích nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự. Ngày 10/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Minh, đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lò Thị L số tiền 750.000^d là thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Đối với hành vi của bị hại Nùng Văn B dùng tay đẩy ông Nùng Văn Q ngã và có giằng co, dùng tay bóp cổ Nùng Văn T1 nhưng không gây nên thương tích gì, ngày 10/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Minh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nùng Văn B số tiền 750.000^d là thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13] Đối với hành vi của anh Nùng Văn T1 dùng tay bóp cổ Nùng Văn B gây thương tích với tỷ lệ 04%, bị hại B đã có đơn đề nghị không xử lý trách nhiệm hình sự đối với T1 về hành vi trên nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với T1. Ngày 10/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Minh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nùng Văn T1 số tiền 750.000^d là thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Nùng Văn B và bị cáo không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường và cùng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[15] Các tài liệu, chứng cứ, yêu cầu của bị hại cung cấp trong quá trình điều trị thương tích với tổng số tiền là: 34.390.000^d gồm:

[15.1] Thuốc Past paalma: Vi 25 viên x 10 hộp x 200.000^d = 2.000.000^d;

[15.2] Thuốc Povidolbame: 01 lọ = 20.000^d;

[15.3] Bông tăm thân tre cao cấp: 01 gói = 12.000^d;

[15.4] Bông y tế: 10 gói = 51.000^d;

[15.5] Chi phí xét nghiệm: 107.000^d;

[15.6] Công phục vụ: 6 công x 150.000^d/ngày = 900.000^d;

[15.7] Tiền ăn: 100.000^d/02 người/ngày x 6 ngày = 600.000^d;

[15.8] Bồi thường tổn hại sức khỏe: 30.700.000^d.

[16] Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên bị hại không đưa ra đầy đủ các chứng cứ để chứng minh cho toàn bộ yêu cầu của mình. Do đó không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại về các khoản chi thực tế có căn cứ đúng quy định của pháp luật, với tổng số tiền bồi thường thiệt hại Hội đồng xét xử chấp nhận là 10.466.668^d làm tròn số là 10.467.000^d bao gồm:

[16.1] Đối với chi phí phát sinh từ quá trình điều trị, thương tích như chi phí mua thuốc, xét nghiệm, vật tư tiêu hao y tế với số tiền 2.190.000^d.

[16.2] Đối với khoản thu nhập bị mất của bị hại và của người chăm sóc cho bị hại, cần căn cứ mức thu nhập bình quân trên đầu người tại địa phương xã H thời điểm năm 2021 là: 68.889^d/01 người/01 ngày, do bị hại, người chăm sóc cho bị hại đều làm nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định, nên cần căn cứ vào mức thu nhập bình quân tại địa phương để tính thu nhập bị mất của bị hại và người chăm sóc cho bị hại. Cụ thể từ ngày 01/8/2021 đến ngày 06/8/2021 là 06 ngày x 02 người x 68.889^d = 826.668.000^d.

[16.3] Đối với việc bồi thường tổn thất về mặt tinh thần do sức khỏe bị xâm hại cần căn cứ Nghị quyết số: 70/2018/NQ-QH14 ngày 09/11/2018 của Quốc hội đã quy định mức lương cơ sở thời điểm hiện tại là 1.490.000^d, để làm căn cứ tính bồi thường là 1.490.000^d x 05 tháng = 7.450.000^d.

[17] Đối với yêu cầu của bị hại về số tiền ăn là $100.000^d/02$ người/ngày x 6 ngày = 600.000^d , Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận.

[18] Về vật chứng: Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội và vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 (một) con dao chặt (dao tông) dài 36cm, bản dao rộng 10cm, chuôi dao bằng kim loại, dao có màu đen, nhiều chỗ bị rỉ sét; 01 (một) con dao nhọn dài 42cm, bản dao rộng 06 cm, chuôi dao bằng kim loại, dao có màu đen; 01 (một) con dao (loại dao quắm) bằng kim loại dài 50cm, bản dao rộng 06cm, màu đen, chuôi dao bằng gỗ dài 28 cm; 01 (một) đoạn gỗ dài 84cm, đường kính 04cm, tình trạng gỗ đã khô, bị gãy một đầu; 01 (một) đoạn gỗ dài 88cm, đường kính 05cm, tình trạng gỗ đã khô, bị gãy một đầu; 01 (một) áo phông ngắn tay màu xám chấm đen mặt trước áo có sọc kẻ ngang đen trắng, áo dài 62cm, kích thước vai áo rộng 45cm, ống tay áo bên trái có vết rách dài 05 cm và có bầm dính chất màu nâu đỏ kích thước (24 x 15) cm.

[14] Về án phí: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình thuộc diện hộ nghèo nên cần được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nùng Xuân T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nùng Xuân T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 23/12/2021.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền: $10.467.000^d$ (mười triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) gồm: Tiền tổn thất về mặt tinh thần, thu nhập bị mất, chi phí điều trị thương tích cho bị hại Nùng Văn B, địa chỉ: Thôn Tân Tiên, xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; thời điểm thanh toán kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) con dao chặt (dao tông) dài 36cm, bản dao rộng 10cm, chuôi dao bằng kim loại, dao có màu đen, nhiều chỗ bị rỉ sét; 01 (một) con dao nhọn dài 42cm, bản dao rộng 06 cm, chuôi dao bằng kim loại, dao có màu đen; 01 (một) con dao (loại dao quắm) bằng kim loại dài 50cm, bản dao rộng 06cm, màu đen, chuôi dao bằng gỗ dài 28 cm; 01 (một) đoạn gỗ dài 84cm, đường kính 04cm, tình trạng gỗ đã khô, bị gãy một đầu; 01 (một) đoạn gỗ dài 88cm, đường kính 05cm, tình trạng gỗ đã khô, bị gãy một đầu; 01 (một) áo phông ngắn tay màu xám chấm đen mặt trước áo có sọc kẻ ngang đen trắng, áo dài 62cm, kích thước vai áo rộng 45cm, ống tay áo bên trái có vết rách dài 05 cm và có bầm dính chất màu nâu đỏ kích thước (24 x 15) cm.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh lập ngày 17/11/2021)

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Nùng Văn T.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Yên Minh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Yên Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đặng